

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Hà Đông,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ
DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0104285261

Reason: I am the author of this document

Location:

Date: 2024-03-12 11:46:24

Foxit Reader Version: 9.0.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 30 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số nhà A86 – TT9, Khu đô thị mới Văn Quán – Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0246 660 2550
- Fax : 0243 354 5647

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Xây dựng các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500kV; Quản lý và vận hành các toà nhà văn phòng, khu đô thị mới, chung cư.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Xuân Chính	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Xuân Minh	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Đình Khương	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Công Tinh	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Hưng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Đinh Hữu Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Ngọc Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Xuân Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020
Ông Ngô Đình Khương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Xuân Minh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Minh

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

Số: 2.0158/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội**

Nguyễn Thị Từ - Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.583.222.417	134.982.042.726
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.424.259.178	10.020.747.359
1. Tiền	111		2.424.259.178	10.020.747.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.038.320.453	109.998.527.484
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	74.258.052.886	98.267.494.794
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.090.697.527	2.721.850.391
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	7.081.477.452	9.401.089.711
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(391.907.412)	(391.907.412)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		14.120.642.786	14.962.767.883
1. Hàng tồn kho	141	V.4	14.120.642.786	14.962.767.883
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.153.043.318	8.241.948.970
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.440.000	26.440.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	26.440.000	26.440.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.116.621.195	8.206.703.523
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	6.029.686.789	6.119.769.117
<i>Nguyên giá</i>	222		25.274.881.085	24.255.653.812
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.245.194.296)	(18.135.884.695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	2.086.934.406	2.086.934.406
<i>Nguyên giá</i>	228		2.086.934.406	2.086.934.406
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.982.123	8.805.447
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		9.982.123	8.805.447
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106.736.265.735	143.223.991.696

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		56.504.995.646	92.593.327.834
I. Nợ ngắn hạn	310		56.504.995.646	92.553.327.834
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	24.673.808.884	50.642.739.334
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	18.593.212.241	10.804.162.742
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	2.288.249.844	2.358.759.552
4. Phải trả người lao động	314		4.028.075.587	11.359.418.115
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	524.638.652	2.029.789.094
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.778.418.031	5.287.883.170
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	6.996.783.420
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.184.942.010	2.184.942.010
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	433.650.397	888.850.397
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	40.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	40.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.231.270.089	50.630.663.862
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	50.231.270.089	50.630.663.862
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.380.563.862	15.628.649.803
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.850.706.227	5.002.014.059
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	5.002.014.059
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.850.706.227	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		106.736.265.735	143.223.991.696

Lập, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Quãn Thiều Nga

Ngô Đình Khương

Trần Xuân Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	148.867.288.956	311.163.761.991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		148.867.288.956	311.163.761.991
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	132.391.893.663	291.902.951.470
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.475.395.293	19.260.810.521
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.532.925	12.819.863
7. Chi phí tài chính	22		238.984.332	231.076.420
Trong đó: chi phí lãi vay	23		238.984.332	231.076.420
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	12.830.273.286	13.777.921.162
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.427.670.600	5.264.632.802
11. Thu nhập khác	31	VI.5	183.108.722	1.403.816.130
12. Chi phí khác	32	VI.6	28.317.230	317.928.687
13. Lợi nhuận khác	40		154.791.492	1.085.887.443
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.582.462.092	6.350.520.245
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	731.755.865	1.348.506.186
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.850.706.227	5.002.014.059
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	950	1.584
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	950	1.584

Lập, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Quan Thieu Nga



Ngô Đình Khuông



Trần Xuân Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.582.462.092	6.350.520.245
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.5	1.701.140.510	1.514.636.312
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	-	(1.346.771.674)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(191.500.374)	(57.044.456)
- Chi phí lãi vay	06		238.984.332	231.076.420
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.331.086.560	6.692.416.847
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.960.207.031	(19.449.037.041)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		842.125.097	20.856.611.103
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(28.201.159.847)	1.031.299.583
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.176.676)	78.377.705
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(238.984.332)	(231.076.420)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(1.345.689.786)	(735.686.207)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.13	(705.300.000)	(429.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.641.108.047	7.813.705.570
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.611.058.182)	(66.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.5	181.818.182	72.600.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	9.682.192	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.419.557.808)	6.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	6.959.460.668	17.052.889.180
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(13.956.244.088)	(14.783.874.261)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.821.255.000)	(2.302.965.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.818.038.420)	(33.950.081)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.596.488.181)	7.786.355.489
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.020.747.359	2.234.391.870
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.424.259.178	10.020.747.359

Lập, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Quản Thiều Nga

Ngô Đình Khương

Trần Xuân Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500KV; Quản lý và vận hành các tòa nhà văn phòng, khu đô thị mới, chung cư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 125 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 134 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ phân bổ đã đưa vào sử dụng, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm quyền sử dụng đất, là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ gồm dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành tính bằng tỷ lệ % trên doanh thu đã ghi nhận của từng công trình có cam kết bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	278.255.322	370.389.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.146.003.856	9.650.357.620
Cộng	2.424.259.178	10.020.747.359

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	5.672.685.998	6.244.935.367
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Bắc	36.052.257.170	35.366.649.534
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam	10.550.858.619	30.932.417.108
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Trung	18.121.921.647	21.249.060.038
Các khách hàng khác	3.860.329.452	4.474.432.747
Cộng	74.258.052.886	98.267.494.794

3. Phải thu khác

3a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho CBNV là bên liên quan	3.313.425.477	4.482.447.319
Tạm ứng cho CBNV khác	1.530.562.747	2.744.339.485
Các khoản chi hộ tiền đền bù dự án	64.367.000	140.226.000
Các khoản chi hộ tiền vật tư, nhân công cho Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.007.036.000	2.007.036.000
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	135.009.208	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31.077.020	27.040.907
Cộng	7.081.477.452	9.401.089.711

3b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường		39.963.011
Nguyên liệu, vật liệu	2.420.243.916	2.031.461.421
Công cụ, dụng cụ	75.591.929	25.501.934
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.624.806.941	12.865.841.517
Trong đó, một số công trình lớn:		
Trạm biến áp 220kV Phổ Cao	4.797.155.471	-
Đường dây 220kV Thanh Mỹ	2.432.384.774	264.233.446
Đường dây 500 KV Sông Hậu - Đức Hòa	556.464.270	1.244.560.000
Đường dây 220kV Nhiệt Điện - HD G14	1.178.810.909	3.185.944.545
Trạm biến áp 220kV Yên Mỹ	-	2.892.535.668
Đường dây 500 KV Quảng Trạch	-	4.219.345.455
Cộng	14.120.642.786	14.962.767.883

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.893.142.394	2.845.596.364	4.480.145.454	36.769.600	24.255.653.812
Mua trong năm	-	95.000.000	1.516.058.182	-	1.611.058.182
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(591.830.909)	-	(591.830.909)
Số cuối năm	16.893.142.394	2.940.596.364	5.404.372.727	36.769.600	25.274.881.085
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	58.492.000	2.506.596.364	3.888.314.545	36.769.600	6.490.172.509
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.216.535.371	2.402.434.270	4.480.145.454	36.769.600	18.135.884.695
Khấu hao trong năm	1.122.310.032	389.323.202	189.507.276	-	1.701.140.510
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(591.830.909)	-	(591.830.909)
Số cuối năm	12.338.845.403	2.791.757.472	4.077.821.821	36.769.600	19.245.194.296
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.676.607.023	443.162.094	-	-	6.119.769.117
Số cuối năm	4.554.296.991	148.838.892	1.326.550.906	-	6.029.686.789
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải đã hết khấu hao đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh của Công ty tại các Ngân hàng.

6. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại Lô A86 – TT9, Khu Đô thị mới Văn Quán – Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và tại Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Toàn bộ các tài sản cố định vô hình này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh của các Ngân hàng.

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cột thép mạ kẽm Thái Nguyên	1.262.143.564	10.765.190.604
Công ty TNHH Xây lắp Điện lực Bắc Miền Trung	1.260.059.732	5.192.795.505
Công ty TNHH MTV Xây dựng TMDV Lý Tâm Liên	3.227.832.506	6.950.612.976
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.300.233.983	2.300.233.983
Công ty Cổ phần Thương mại & Kỹ thuật ACT	2.325.541.339	1.212.535.797
Các nhà cung cấp khác	14.297.997.760	24.221.370.469
Cộng	24.673.808.884	50.642.739.334

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Các công trình Điện Miền Nam	-	2.982.764.790
Ban quản lý dự án Các công trình Điện Miền Trung	7.660.086.753	-
Ban quản lý dự án Các công trình Điện Miền Bắc	7.264.588.759	7.578.665.631
Ban quản lý Dự án Điện 2 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.376.707.058	-
Các khách hàng khác	291.829.671	242.732.321
Cộng	18.593.212.241	10.804.162.742

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	671.304.905	3.415.094.404	(2.828.718.108)	1.257.681.201
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.345.689.786	731.755.865	(1.345.689.786)	731.755.865
Thuế thu nhập cá nhân	341.764.861	366.005.577	(408.957.660)	298.812.778
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	2.358.759.552	4.515.855.846	(4.586.365.554)	2.288.249.844

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% đối với kinh doanh nước sạch và 10% đối với dịch vụ khác (Từ ngày 01/7/2023 được giảm 2% xuống còn 8%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.582.462.092	6.350.520.245
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	76.317.230	377.928.687
- Các khoản điều chỉnh tăng	76.317.230	377.928.687
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	3.658.779.322	6.728.448.932
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	731.755.865	1.345.689.786
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		2.816.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	731.755.865	1.348.506.186

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí các công trình trích trước	170.760.989	-
Chi phí quản lý tòa nhà trích trước	353.877.663	2.029.789.094
Cộng	524.638.652	2.029.789.094

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	178.974.912	123.036.288
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	187.029.084	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.503.020.000	1.324.275.000
Tiền đảng phí phải nộp	-	432.177.649
Phải trả các tổ đội	1.037.508.298	2.463.215.265
Các khoản phải trả, phải nộp khác	871.885.737	945.178.968
Cộng	3.778.418.031	5.287.883.170

12. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung ⁽ⁱ⁾	-	4 668 297 322
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành ⁽ⁱⁱ⁾	-	2 328 486 098
Cộng	-	6 996 783 420

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng cho vay hạn mức số 11/2023-HĐCVHM/NHCT324-XLDVSD ngày 15 tháng 03 năm 2023, hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và xe ô tô.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/5927207/HĐTD ngày 05 tháng 05 năm 2023, hạn mức cho vay ngắn hạn, bản lãnh thanh toán, mở L/C tối đa 20.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay được xác định theo từng hợp đồng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, xe ô tô và quyền đòi nợ từ các công trình do BIDV Hà Thành tài trợ vốn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.996.783.420	4.727.768.501
Số tiền vay phát sinh	6.959.460.668	17.052.889.180
Số tiền vay đã trả	(13.956.244.088)	(14.783.874.261)
Số cuối năm	-	6.996.783.420

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	548.850.397	340.000.000	888.850.397
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	250.100.000		250.100.000
Chi quỹ	(365.300.000)	(340.000.000)	(705.300.000)
Số cuối năm	433 650 397	-	433 650 397

14. Vốn chủ sở hữu**14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	30.000.000.000	15.628.649.803	2.863.279.925	48.491.929.728
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	5.002.014.059	5.002.014.059
Trích lập các quỹ	-	-	(463.279.925)	(463.279.925)
Chia cổ tức	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	15.628.649.803	5.002.014.059	50.630.663.862
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	15.628.649.803	5.002.014.059	50.630.663.862
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	2.850.706.227	2.850.706.227
Trích lập các quỹ	-	1.751.914.059	(2.002.014.059)	(250.100.000)
Chia cổ tức	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	17.380.563.862	2.850.706.227	50.231.270.089

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Trần Xuân Chính	5.182.500.000	5.182.500.000
Ông Trần Xuân Minh	3.323.250.000	3.323.250.000
Ông Ngô Đình Khương	3.239.500.000	3.239.500.000
Nguyễn Anh Tuấn	3.300.500.000	3.300.500.000
Các cổ đông khác	14.954.250.000	14.954.250.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

14c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức (10%)	: 3.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.751.914.059
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 250.100.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vật tư	10.234.500	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.879.622.423	43.770.099.843
Doanh thu hợp đồng xây dựng ⁽ⁱ⁾	102.977.432.033	267.393.662.148
Cộng	148.867.288.956	311.163.761.991

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.110.880.463	39.288.142.515
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	90.281.013.200	252.614.808.955
Cộng	132.391.893.663	291.902.951.470

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.682.192	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.850.733	12.819.863
Cộng	21.532.925	12.819.863

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.152.225.445	9.813.304.981
Chi phí vật liệu quản lý	517.067.635	542.954.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.573.275	169.553.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.366.417.311	1.149.310.049
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	5.877.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	621.780.682	731.872.458
Các chi phí khác	1.143.208.938	1.365.048.508
Cộng	12.830.273.286	13.777.921.162

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	181.818.182	57.044.456
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	1.346.771.674
Thu nhập khác	1.290.540	-
Cộng	183.108.722	1.403.816.130

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	6.404.300	298.903.624
Tiền chậm nộp bảo hiểm	3.099.052	5.534.416
Xử lý công nợ	18.813.878	13.490.647
Cộng	28.317.230	317.928.687

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.850.706.227	5.002.014.059
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(250.100.000)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.850.706.227	4.751.914.059
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	950	1.584

7b. Thông tin khác

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính lợi nhuận có thể được dùng để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có cơ sở chắc chắn

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do điều chỉnh lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2023, làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 1.501 VND/CP lên 1.584 VND/CP.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.634.788.150	99.505.172.533
Chi phí nhân công	32.522.438.546	59.932.651.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.701.140.510	1.514.636.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.548.127.013	128.314.960.157
Chi phí khác	4.574.638.154	4.765.584.320
Cộng	143.981.132.373	294.033.005.132

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Ban Tổng giám đốc		
Tạm ứng	5.364.200.000	3.969.600.000
Hoàn tạm ứng	4.738.782.002	1.590.663.560
Thành viên Ban kiểm soát		
Tạm ứng	7.001.000.000	2.786.623.268
Hoàn tạm ứng	2.894.762.275	4.861.230.085

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại Thuyết minh số V.3.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cổ tức</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc					
Ông Trần Xuân Chính	Chủ tịch	487.077.273	57.600.000	518.250.000	1.062.927.273
Ông Trần Xuân Minh	Thành viên/ Tổng Giám đốc	468.286.364	48.000.000	332.325.000	848.611.364
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	378.858.014	48.000.000	330.050.000	756.908.014
Ông Ngô Đình Khương	Thành viên/ Kế toán trưởng	378.661.364	48.000.000	323.950.000	750.611.364
Ông Lê Công Tinh	Thành viên	-	48.000.000	5.750.000	53.750.000
Ông Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc	340.086.073	-	72.200.000	412.286.073
Ông Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	378.811.033	-	19.450.000	398.261.033
Ban kiểm soát					
Ông Trần Quang Hưng	Trưởng Ban	198.798.033	38.400.000	1.175.000	238.373.033
Ông Đinh Hữu Phương	Thành viên	267.348.536	28.800.000	55.750.000	351.898.536
Ông Trần Ngọc Tân	Thành viên	268.164.700	28.800.000	53.450.000	350.414.700
Cộng		3.166.091.390	345.600.000	1.712.350.000	5.224.041.390

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng thu nhập
Năm trước					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc					
Ông Trần Xuân Chính	Chủ tịch	564.834.091	72.000.000	414.600.000	1.051.434.091
Ông Trần Xuân Minh	Thành viên/ Tổng Giám đốc	542.618.182	60.000.000	265.860.000	868.478.182
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	436.455.132	60.000.000	264.040.000	760.495.132
Ông Ngô Đình Khương	Thành viên/ Kế toán trưởng	434.450.000	60.000.000	259.160.000	753.610.000
Ông Lê Công Tinh	Thành viên		60.000.000	4.600.000	64.600.000
Ông Đặng Vũ Quyền	Phó Tổng Giám đốc	344.614.831	-	57.760.000	402.374.831
Ông Nguyễn Cao Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	435.068.182	-	15.560.000	450.628.182
Ban kiểm soát					
Ông Trần Quang Hưng	Trưởng Ban	202.939.447	48.000.000	940.000	251.879.447
Ông Đinh Hữu Phương	Thành viên	306.023.850	36.000.000	44.600.000	386.623.850
Ông Trần Ngọc Tân	Thành viên	305.664.700	36.000.000	42.760.000	384.424.700
Cộng		3.572.668.415	432.000.000	1.369.880.000	5.374.548.415

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại dịch vụ: quản lý tòa nhà
- Lĩnh vực xây lắp: xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	45.889.856.923	102.977.432.033	148.867.288.956
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.889.856.923	102.977.432.033	148.867.288.956
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.778.976.460	12.696.418.833	16.475.395.293
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(12.830.273.286)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.645.122.007
Doanh thu hoạt động tài chính			21.532.925
Chi phí tài chính			(238.984.332)
Thu nhập khác			183.108.722
Chi phí khác			(28.317.230)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(731.755.865)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.850.706.227
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1.611.058.182
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	421.212.043	1.358.306.172	1.779.518.215

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	43.770.099.843	267.393.662.148	311.163.761.991
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.770.099.843	267.393.662.148	311.163.761.991
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.481.957.328	14.778.853.193	19.260.810.521
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(13.777.921.162)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.482.889.359
Doanh thu hoạt động tài chính			12.819.863
Chi phí tài chính			(231.076.420)
Thu nhập khác			1.403.816.130
Chi phí khác			(317.928.687)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.348.506.186)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.002.014.059
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	66.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	161.668.619	1.431.345.398	1.593.014.017

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.913.400.408	88.027.982.308	93.941.382.716
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	12.794.883.019
Tổng tài sản	5.913.400.408	88.027.982.308	106.736.265.735
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.201.341.908	45.518.042.146	49.719.384.054
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	6.785.611.592
Tổng nợ phải trả	4.201.341.908	45.518.042.146	56.504.995.646
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	7.985.883.511	115.248.875.229	123.234.758.740
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			19.989.232.956
Tổng tài sản	7.985.883.511	115.248.875.229	143.223.991.696
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.319.277.612	74.052.746.715	78.372.024.327
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	14.221.303.507
Tổng nợ phải trả	4.319.277.612	74.052.746.715	92.593.327.834

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà A86 – TT9, KĐT mới Văn Quán – Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Quản Thiều Nga

Kế toán trưởng



Ngô Đình Khương

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Minh

